

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03/3/2021.
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng V.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Xuân H.

2/ Bà Trần Thị L.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Ông Huỳnh Hải D- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1235/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1979. (có mặt)

Địa chỉ: 30A đường 455, tổ 8, ấp H, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Phạm Phước T, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: 30A đường 455, tổ 8, ấp H, xã T, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 02/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà và ông Phạm Phước T tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, có tổ chức cưới, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn, đăng ký kết vào ngày 06/10/2003 tại UBND xã Tân Bình, phường Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại ấp Cầu Sáng, xã Tân Bình, phường Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ. Đến năm 2011 về huyện Cử Chi ở, chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Thờ ham mê cờ bạc, không lo cho gia đình,... nên thường xuyên cãi vã, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Phước Thờ.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị Liễu, sinh ngày 21/8/1998 và Phạm Lê Đăng Khôi, sinh ngày 25/11/2011. Tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Khôi, không yêu cầu ông Thời cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao khai sinh con; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Diễm được ly hôn với ông Thời; Con chung: Bà Diễm được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lê Đăng Khôi, ghi nhận sự tự nguyện của bà Diễm là không yêu cầu ông Thời cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà Diễm phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Trung An, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Thời đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thời vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thời và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Diễm và ông Phạm Phước Thời tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, phường Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 372, quyển số 3, ngày 06/10/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Diễm xin ly hôn với ông Thời là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà Diễm thì mâu thuẫn giữa bà và ông Thời là trầm trọng và

không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi vã, nguyên nhân do ông Thời ham mê cờ bạc, không lo cho gia đình,... nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Diễm và ông Thời không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị Liễu, sinh ngày 21/8/1998 và Phạm Lê Đăng Khôi, sinh ngày 25/11/2011. Xét yêu cầu của bà Diễm là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Lê Đăng Khôi là có cơ sở chấp nhận vì hiện trẻ đang ở cùng bà, sinh hoạt, phát triển bình thường, cuộc sống đang ổn định, nghề nghiệp của bà cũng ổn định và trẻ Khôi cũng thể hiện ý chí muốn ở chung với bà. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Diễm là không yêu cầu ông Thời cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Diễm xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Diễm xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông Tài phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Phạm Phước T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 372, quyển số 3, ngày 06/10/2003 của Ủy ban nhân dân xã T, phường H, thành phố Cần Thơ cấp cho bà D và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Thị L, sinh ngày 21/8/1998 (đã trưởng thành) và Phạm Lê Đăng K, sinh ngày 25/11/2011. Bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Lê Đăng Kh. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Thời.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị D phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0084933 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương